Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8203.10.00

Mã HS	8203.10.00
Mô tả hàng hóa	Giũa, nạo, kìm (kể cả kìm cắt), panh, nhíp, kéo cắt kim loại, dụng cụ cắt ống, xén bu lông, mũi đột lỗ và các dụng cụ cầm tay tương tự / - Giũa, nạo và các dụng cụ tương tự
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:19:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82031000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12514
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12514
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12514
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11863
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11806
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11806
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11806
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11806
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11806
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11806
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E11858
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11858

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11858
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11858
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11858
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11858
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11859
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11859
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11859
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11859
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11859
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11859
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11862
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11812
AIFTA	30/12/2022	2022	16	AI!F11818
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	15.5	AI!G11818
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	15	AI!H11818
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I11818
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J11818
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K11818
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11851
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11851
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11851
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11851
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11851
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11851
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11896
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11896

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11896
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11896
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11896
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11896
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11881
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11881
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11881
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11881
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11881
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11881
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11881
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11881
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11881
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11881
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11881
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11881
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D11898
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11898
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11898
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11898
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11898
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11898
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D11897
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11897
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11897
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11897

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11897
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11897
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11844
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11844
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11844
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11844
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11844
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11844
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11844
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D11881
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E11881
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F11881
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G11881
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H11881
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I11881
RCEP B	2022	2022	18	B!D11881
RCEP B	2023	2023	16	B!E11881
RCEP B	2024	2024	14	B!F11881
RCEP B	2025	2025	12	B!G11881
RCEP B	2026	2026	10	B!H11881
RCEP B	2027	2027	8	B!I11881
RCEP C	2022	2022	18	C!D11881
RCEP C	2023	2023	16	C!E11881
RCEP C	2024	2024	14	C!F11881
RCEP C	2025	2025	12	C!G11881
RCEP C	2026	2026	10	C!H11881

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I11881
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D11880
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E11880
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F11880
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G11880
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H11880
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I11880
RCEP E	2022	2022	18	E!D11884
RCEP E	2023	2023	16	E!E11884
RCEP E	2024	2024	14	E!F11884
RCEP E	2025	2025	12	E!G11884
RCEP E	2026	2026	10	E!H11884
RCEP E	2027	2027	8	E!I11884
RCEP F	2022	2022	18	F!D11881
RCEP F	2023	2023	16	F!E11881
RCEP F	2024	2024	14	F!F11881
RCEP F	2025	2025	12	F!G11881
RCEP F	2026	2026	10	F!H11881
RCEP F	2027	2027	8	F!I11881
VIFTA	2024	2024	16	VI!F10989
VIFTA	2025	2025	12	VI!G10989
VIFTA	2026	2026	8	VI!H10989
VIFTA	2027	2027	4	VI!I10989

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8203.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8203.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12514), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.